

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/DS-ST**

Ngày: 30/5/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lam

Bà Cao Thị Kim Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 03 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 173A ngày 07/4/2023 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 28/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tất T**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Trần Ngọc T**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Tổ T, khu phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 13/03/2019)

- Bị đơn: Ông **Trần Văn T**, sinh năm: 1981.

Bà **Bùi Thị Thanh N**, sinh năm: 1980.

Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Anh *Trần Ngọc T* có mặt; anh *Trần Văn T*, chị *N* vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2023, bản tự khai ngày 22/10/2019 và các bản khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn đại diện theo ủy quyền anh Trần Ngọc T trình bày:

Anh Nguyễn Tất T và vợ chồng anh Trần Văn T, chị Bùi Thị Thanh N là bạn bè quen biết.

Do cần vốn làm ăn nên ngày 14/7/2017 vợ chồng anh Trần Văn T, chị N có đến gặp anh T hỏi vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Việc cho vay tiền không làm giấy vay nợ mà các bên làm giấy bán xe, chiếc xe Huydai biển số 60C.356.32, chị N là người đứng tên đăng ký xe, sau đó anh T cho vợ chồng anh Trần Văn T thuê lại chiếc xe Hyudai, biển số 60C.356.32. Mục đích làm giấy bán xe và cho thuê lại xe là để đảm bảo cho số tiền vay 200.000.000đ. Trên thực tế vợ chồng anh Trần Văn T, chị N là người quản lý, sử dụng chiếc xe Hyudai, biển số 60C.356.32, chị N vẫn là người đứng tên chủ sở hữu chiếc xe nêu trên chứ không phải là anh Nguyễn Tất T.

Sau khi vay tiền xong vợ chồng anh Trần Văn T, chị N không có trả tiền lãi cho anh T, vì là bạn bè thân thiết anh Trần Văn T, chị N đang gặp khó khăn nên anh T cũng không đòi tiền lãi.

Đến tháng 02/2018 vợ chồng anh Trần Văn T, chị N tiếp tục đến gặp anh T hỏi vay thêm số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 03%/tháng, anh T chấp nhận cho vợ chồng anh Trần Văn T vay thêm số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Gộp chung 02 lần vay tiền anh Trần Văn T, chị N đã nợ anh T số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) bao gồm số tiền vay ngày 14/7/2017 và số tiền vay tháng 02/2018.

Ngày 01/03/2018 vợ chồng anh T và chị T ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai (Phòng giao dịch Xuân Hòa), địa chỉ 520 Hùng Vương, phường Xuân Hòa, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, vay số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Do vợ chồng anh Trần Văn T, chị N đang nợ anh T số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) chưa trả tiền lãi cho anh T nên giữa anh T và vợ chồng anh Trần Văn T có thỏa thuận hàng tháng vợ chồng anh Trần Văn T, chị N có nghĩa vụ trả tiền lãi cho ngân hàng thay thế cho vợ chồng anh T. Vợ chồng anh Trần Văn T, chị N đồng ý nên từ tháng 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10 năm 2018 vợ chồng anh Trần Văn T đã trả tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai (Phòng giao dịch Xuân Hòa) được số tiền là 62.600.000đ (Sáu mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng) việc nộp tiền có phiếu thu.

Từ tháng 10/2018 vợ chồng anh Trần Văn T, chị N ngưng trả tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai (Phòng giao dịch Xuân Hòa).

Do trước đây anh T cho anh Trần Văn T, chị N vay tiền giấy tờ không rõ ràng, mặt khác chiếc xe Huydai biển số 60C.356.32 giao cho vợ chồng anh Trần

Văn T, chị N quản lý, sử dụng, anh chị cũng đã bán chiếc xe nêu trên, nên ngày 22/8/2018 giữa anh T và vợ chồng anh Trần Văn T, chị N mới ký lại hợp đồng vay tiền, số tiền vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận vẫn là 3% tháng, hợp đồng vay tiền được phòng công chứng Phạm Minh Thành công chứng 22/8/2018. Sau khi ký hợp đồng vay tiền xong thì vợ chồng anh Trần Văn T vẫn không trả lại tiền gốc và trả lãi cho anh T dẫn đến tranh chấp.

Trước Tòa án anh Trần Ngọc T yêu cầu Tòa án xét xử buộc vợ chồng anh Trần Văn T, chị N phải trả cho anh T số tiền nợ 400.000.000đ và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ thời điểm vay ngày 22/8/2018 đến ngày 22/4/2023. Đối với số tiền lãi vợ chồng anh Trần Văn T, chị N trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai (Phòng giao dịch Xuân Hòa) là 62.600.000đ, anh T đồng ý khấu trừ vào tiền lãi phát sinh tính trên 400.000.000đ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/10/2019, bản tự khai ngày 20/03/2020 và các bản khai tiếp theo trong quá trình tố tụng vụ án bị đơn anh Trần Văn T, chị Bùi Thị Thanh N trình bày:

Anh Nguyễn Tất T và vợ chồng anh Trần Văn T, chị N là bạn bè quen biết đã lâu. Vì cần vốn làm ăn vợ chồng anh Trần Văn T, chị N có vay của anh T số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) với thời gian cụ thể như sau:

- Lần 1 ngày 14/7/2017, vợ chồng anh Trần Văn T, chị N vay của anh T số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 10% tháng, thời hạn vay không thỏa thuận. Sau khi vay đóng lãi được 15 tháng với số tiền lãi 300.000.000đ (từ ngày 14/7/2017 đến ngày 16/10/2018), vốn gốc đến nay chưa trả. Khi vay tiền chỉ có một mình chị N đi vay, anh T không yêu cầu chị N viết giấy vay tiền mà chỉ yêu cầu chị N viết giấy tay bán chiếc xe Hyundai (loại xe tải có mui) biển số 60C - 356.31 do chị N đứng tên, giá bán xe là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và viết giấy thuê lại chiếc xe này để đảm bảo trả nợ. Việc chị N viết giấy bán xe với số tiền 250.000.000đ là vì chị N còn vay dùm cho anh Lê Cảnh C số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), còn vợ chồng anh chỉ vay 200.000.000đ cộng gộp 02 khoản vay nên mới viết giấy bán xe với số tiền 250.000.000đ. Anh Lê Cảnh C trước đây ở cùng địa chỉ, hiện nay anh C đã bỏ đi khỏi địa phương, anh đang ở đâu vợ chồng anh Trần Văn T không biết. Về tiền lãi 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) trả cho anh T vợ chồng anh Trần Văn T cũng không có giấy tờ hay chứng cứ gì để nộp cho Tòa án.

- Lần 2 ngày 26/02/2018, vợ chồng anh Trần Văn T tiếp tục vay của anh T số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 7%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, sau khi vay vợ chồng anh Trần Văn T trả được 07 tháng tiền lãi với số tiền 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng), về chứng cứ giấy tờ trả lãi không có nên không cung cấp cho Tòa án được, vốn gốc vẫn chưa trả. Việc vay tiền không có làm giấy vay tiền. Lí do anh T không yêu cầu vợ chồng anh Trần Văn T viết giấy vay tiền là do vợ chồng anh Trần Văn T có vay của anh Bùi Thiện D số tiền 630.000.000đ (Sáu trăm ba mươi triệu đồng) và có thể chấp quyền sử

dụng đất nhưng được ký kết với hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 904,9 m², thuộc thửa số 90, tờ bản đồ số 43 xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; cấp ngày 11/9/2015 cho anh Trần Văn T, chị Bùi Thị Thanh N đứng tên quyền sử dụng đất. Do anh D yêu cầu trả nợ gấp nên vợ chồng anh Trần Văn T tiếp tục vay của anh T số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) trả cho anh D để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh T không có tiền nên liên lạc với Tạ Văn Q là (em vợ của anh T) mang số tiền 700.000.000đ đến phòng Công chứng Dầu Giây, anh Q trả cho anh Bùi Thiện D số tiền 630.000.000đ (Sáu trăm ba mươi triệu đồng). Sau khi nhận đủ số tiền 630.000.000đ từ anh Q thì vợ chồng anh D, chị D ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho vợ chồng anh Nguyễn Tất T, chị Tạ Thị Chung T đứng tên quyền sử dụng, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại phòng Công chứng Dầu Giây vào ngày 26/02/2018.

Sau khi sang tên cho vợ chồng anh T đứng tên quyền sử dụng diện tích đất 904,9 m², thuộc thửa số 90, tờ bản đồ số 43 xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; đồng thời anh Trần Văn T cũng liên hệ với Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai (Phòng giao dịch Xuân Hòa) làm thủ tục vay tiền, người đứng tên vay tiền là vợ chồng anh T, chị T.

Ngày 01/03/2018 thì vợ chồng anh T ký hợp đồng tín dụng với phòng giao dịch Xuân Hòa vay số tiền vay là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), số tiền giải ngân 500.000.000đ được giao trả cho anh Q.

Ngày 28/8/2018 tại tiệm cầm đồ của anh Tạ Văn Q có mặt anh T, và vợ chồng anh Trần Văn T, anh Q có in từ máy vi tính một hợp đồng vay tiền theo mẫu của Văn phòng công chứng Phạm Minh Thành, nội dung hợp đồng thể hiện vợ chồng anh Trần Văn T có vay của anh T số tiền 400.000.000đ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, vợ chồng anh Trần Văn T ký tên vào hợp đồng vay tiền không có đến phòng Công chứng Phạm Minh Thành chứng thực, đồng thời anh Q có soạn giúp một Giấy xác nhận (không đề ngày tháng năm), nội dung thể hiện vợ chồng anh T xác nhận việc đứng tên dùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền từ Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai (Phòng giao dịch Xuân Hòa) vì vợ chồng anh Trần Văn T bị nợ xấu tại hệ thống ngân hàng và công ty tài chính nên vợ chồng anh Trần Văn T không được các ngân hàng cho vay tiền. Số tiền 500.000.000đ anh T vay của phòng giao dịch Xuân Hòa về việc trả vốn gốc và tiền lãi do vợ chồng anh Trần Văn T đứng ra trả cho ngân hàng, vợ chồng anh trả được 04 tháng đến tháng 10/2018 thì ngưng không trả nữa. Do gặp khó khăn về kinh tế nên không tiếp tục trả tiền vốn gốc, tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai (Phòng giao dịch Xuân Hòa).

Trước Tòa án vợ chồng anh Trần Văn T đồng ý trả cho anh T số tiền 428.000.000đ (Bốn trăm hai mươi tám triệu đồng) trong đó vốn gốc 400.000.000đ và tiền lãi phát sinh 28.000.000đ và có yêu cầu phản tố đối với vợ chồng anh T về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký giữa vợ chồng anh

Bùi Thiện D và vợ chồng anh Nguyễn Tất T, buộc vợ chồng anh T trả lại diện tích đất 904,9 m², thuộc thửa số 90, tờ bản đồ số 43 xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, cho vợ chồng anh Trần Văn T kê khai đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm tại phiên tòa:***

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tất T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn anh Trần Văn T, chị Bùi Thị Thanh N.

Buộc vợ chồng anh Trần Văn T, chị N phải trả cho anh T số tiền vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) và tính lãi theo quy định pháp luật.

Vợ chồng anh Trần Văn T, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu phản tố chị N, anh Trần Văn T không nộp đơn khởi kiện, không nộp tiền tạm ứng án phí nên hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự; bị đơn anh Trần Văn T, chị Bùi Thị Thanh N có hộ khẩu thường trú tại tổ B, ấp C, xã X (nay là ấp C, xã H), huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Anh T cho vợ chồng anh Trần Văn T, chị N vay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), sau nhiều lần đòi nợ anh Trần Văn T, chị N không trả dẫn đến tranh chấp, nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3]. Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định anh Nguyễn Tất T là nguyên đơn; anh Trần Văn T, chị Bùi Thị Thanh N là bị đơn.

[1.4]. Về xét xử vắng mặt:

Ngày 04/4/2023, Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho vợ chồng anh Trần Văn T và chị Bùi Thị Thanh N (chị N nhận trực tiếp), Tòa án thông báo cho chị N anh Trần Văn T biết phải có mặt tại Tòa án vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 07/4/2023 để tham dự phiên tòa, nhưng anh Trần Văn T, chị N vắng mặt. Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Ngày 12/4/2023 Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa (QĐ số 173A/QĐST-DS) ngày 07/04/2023 tại nhà chị N, anh Trần Văn T, tại UBND xã H, huyện T và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, thông báo cho anh Trần Văn T, chị N biết thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 05/5/2023.

Ngày 28/4/2023, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo số: 01/TB-TA ngày 28/4/2023 về việc thay đổi thời gian xét xử tại nhà chị N, anh Trần Văn T, tại UBND xã H, huyện T và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, thông báo cho anh Trần Văn T, chị N biết thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 30/5/2023. Tại phiên tòa vợ chồng anh Trần Văn T, chị N tiếp tục vắng mặt không có lý do nên hội đồng xét xử án dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn T, chị N.

[2]. Về Nội dung vụ án:

Ngày 14/7/2017 anh T cho vợ chồng anh Trần Văn T, chị N vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Việc cho vay tiền không làm giấy vay nợ mà các bên làm giấy bán xe Hyundai, biển số 60C .356.32, chiếc xe Hyundai đứng tên đăng ký của chị N, sau đó anh T cho vợ chồng anh Trần Văn T thuê lại chiếc xe Huy Dai, biển số 60C .356.32.

Đến tháng 02/2018 anh T tiếp tục cho vợ chồng anh Trần Văn T, chị N vay thêm số tiền 200.000.000đ; lãi suất thỏa thuận 03%/tháng. Gộp chung 02 lần vay tiền anh Trần Văn T, chị N đã vay của anh T là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Ngày 22/8/2018 giữa anh Nguyễn Tất T và vợ chồng anh Trần Văn T, chị Bùi Thị Thanh N ký với nhau hợp đồng vay tiền, số tiền vay 400.000.000đ, hợp đồng được công chứng tại phòng công chứng Phạm Minh Thành, địa chỉ số 565 Quốc lộ 1A, ấp Hòa Bình, xã Đông Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Đến hạn trả nợ vợ chồng anh Trần Văn T không trả tiền cho anh T dẫn đến tranh chấp.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tất T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn anh Trần Văn T, chị Bùi Thị Thanh N là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

Qua các biên lấy lời khai ngày 11/10//2019, biên bản ngày 18/10/2019, biên bản ngày 30/03/2020, bị đơn anh Trần Văn T chị N đều có lời khai thống nhất, anh chị có vay của anh T số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) vay là 02 lần, với thời gian cụ thể: Ngày 14/7/2017 vay 200.000.000đ và ngày 26/02/2018 vay 200.000.000đ đến nay còn nợ vốn gốc chưa trả cho anh T. Lời khai của vợ chồng anh Trần Văn T phù hợp với lời khai của anh Toàn (đại diện ủy quyền cho anh T) về số tiền cho vay bị đơn chưa trả. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh

T, buộc vợ chồng anh Trần Văn T, chị N phải trả cho anh T số tiền vay 400.000.000đ.

Xét yêu cầu tính lãi suất của anh T đối với số tiền vay:

- Qua các bản khai bị đơn anh Trần Văn T, chị N khai đã trả tiền lãi cho anh T số tiền vay 200.000.000đ ngày 14/7/2017, lãi suất 10%, trả được 15 tháng, mỗi tháng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), tổng số tiền lãi đã trả là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng)

- Số tiền vay 200.000.000đ ngày 26/02/2018, lãi suất 7% đã trả được 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng).

- Việc trả lãi của 02 khoản tiền vay nêu trên vợ chồng anh Trần Văn T không có giấy tờ, chứng cứ nộp cho Tòa án, đồng thời nguyên đơn cũng không thừa nhận nên không có căn cứ để xem xét điều chỉnh đối với số tiền lãi anh Trần Văn T, chị N đã trả cho anh T.

- Tại phiên tòa anh Trần Ngọc T có yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 400.000.000đ, thời hạn tính lãi suất là từ ngày 22/8/2018 (ngày ký hợp đồng vay tiền) cho đến ngày 22/4/2023 là 64 tháng anh Trần Ngọc T tự nguyện giảm bớt cho bị đơn 01 tháng 08 ngày tiền lãi, mức lãi suất tính theo quy định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

- Mức lãi suất như sau: Áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất 20%/năm : 12 tháng = 1,66%/tháng.

Thời gian tính lãi từ ngày 22/8/2018 đến ngày 22/4/2023 là 64 tháng.

*** Việc tính lãi như sau:**

$400.000.000đ \times 1.66\%/tháng \times 64 tháng = 424.960.000đ$ (Bốn trăm hai mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng)

Tuy nhiên tại phiên tòa anh Toàn đồng ý khấu trừ số tiền lãi 62.600.000đ (Sáu mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng), vợ chồng anh Trần Văn T, chị N đã trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai (Phòng giao dịch Xuân Hòa) thay cho anh T, do đó số tiền lãi còn lại được tính như sau:

$424.960.000đ - 62.600.000đ = 362.360.000đ$.

Cộng vốn gốc và tiền lãi:

$400.000.000đ + 362.360.000đ = 762.360.000đ$ (Bảy trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng). Đây là số tiền cần buộc vợ chồng anh Trần Văn T, chị N trả cho anh Nguyễn Tất T.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn anh Trần Văn T, chị N tranh chấp về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký giữa anh Nguyễn Tất T, chị Tạ Thị Chung T và ông Bùi Thiện D, bà chị Võ Thị Ngọc D, cùng địa chỉ ấp Trần Cao Vân, xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, diện tích đất 904,9 m², thuộc thửa số 90, tờ bản đồ số 43 xã Xuân Thạnh, huyện Thống

Nhất, tỉnh Đồng Nai; Tòa án đã ban hành thông báo số 12/TB-TA ngày 24/5/2021 về việc nộp đơn yêu cầu phản tố và các tài liệu chứng cứ khác kèm theo, tổng đạt cho anh Trần Văn T, chị N ngày 31/5/2021, nhưng anh, chị không nộp đơn phản tố và không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nên hội đồng xét xử không giải quyết yêu cầu của phản tố anh Trần Văn T, chị N trong cùng vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, mà dành quyền khởi kiện cho anh Trần Văn T, chị N khởi kiện anh T, chị Tình bằng một vụ án dân sự khác.

[4]. Về án phí: Bị đơn là người trả nợ nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tất T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn anh Trần Văn T, chị Bùi Thị Thanh N.

Buộc anh Trần Văn T, chị Bùi Thị Thanh N phải trả cho anh Nguyễn Tất T số tiền nợ 762.360.000đ (Bảy trăm sáu mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó vốn gốc 400.000.000đ và tiền lãi 362.360.000đ.

2. Về án phí:

Anh Trần Văn T, chị Bùi Thị Thanh N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 34.494.400đ (Ba mươi tư triệu bốn trăm chín mươi tư ngàn bốn trăm đồng).

Hoàn trả cho anh Nguyễn Tất T 10.560.000đ (Mười triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 001880 ngày 15/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật anh T có đơn yêu cầu thi hành án anh Trần Văn T, chị N không trả cho anh T số tiền nêu trên thì hàng tháng anh Trần Văn T, chị N còn phải chịu thêm lãi chậm trả với lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Kim Đó